

Số: **01** /2016/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 13 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 08/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục và khung mức thu, mức thu tối đa các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 2082/HĐND-KTXH ngày 31/12/2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

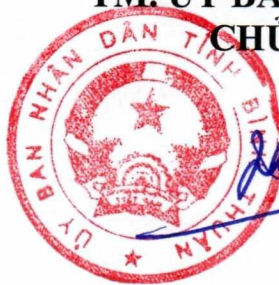
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 66/2008/QĐ-UBND ngày 11/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh Truyền hình;
- Lưu: VT, TTTT, KTN, TH Hùng (b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hai

QUY ĐỊNH

**Về mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định
báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /2016/QĐ-UBND
ngày 13/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi tắt là phí) trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Đối tượng nộp phí, Đơn vị thu phí

1. Đối tượng nộp phí là các chủ dự án thuộc đối tượng phải lập, lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường có nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị thẩm định.

2. Đơn vị tổ chức thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Thời điểm nộp phí

1. Sau khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho chủ dự án nộp phí và thành lập hội đồng thẩm định.

2. Đối tượng nộp phí có nghĩa vụ nộp đủ, đúng hạn phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương II

MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ

Điều 5. Mức thu phí

1. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức: Mức thu phí căn cứ trên loại hình đầu tư và tổng vốn đầu tư của dự án, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông lâm thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án Giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án Công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

2. Trường hợp kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức không thông qua (theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 30 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Không thông qua khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định không thông qua hoặc cả hai (02) Ủy viên phản biện có phiếu thẩm định không thông qua); chủ dự án phải chỉnh sửa, bổ sung báo cáo và nộp lại hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường để được thẩm định lại thì mức thu phí thẩm định lại bằng 50% mức thu áp dụng đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức.

3. Đối với dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng trong quá trình triển khai thực hiện có những thay đổi thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP thì mức thu phí được thực hiện như đối với trường hợp được thẩm định lần đầu.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tùy theo tình hình thu phí, mà hàng ngày hoặc chậm nhất trong vòng 01 tuần lễ, tổ chức thu phí phải nộp toàn bộ số tiền thu được vào “Tài khoản tạm giữ tiền phí, lệ phí” mở tại Kho bạc Nhà nước. Việc quản lý số tiền thu phí bằng tiền mặt tại cơ quan, đơn vị thực hiện thu trong thời gian chưa nộp vào tài khoản tạm giữ tiền lệ phí được thực hiện theo chế độ kế toán quy định hiện hành.

2. Tổ chức thu phí được để lại 100% số phí thu được để chi phí phục vụ công tác thẩm định và thu phí. Tiền phí để lại là nguồn kinh phí thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của tổ chức thu, được quản lý, sử dụng theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước. Tổ chức thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định và thực hiện quyết toán hàng năm.

Nội dung chi phục vụ công việc thẩm định, phục vụ công tác thu từ nguồn phí để lại bao gồm:

a) Chi trực tiếp cho công tác thẩm định và thu phí:

- Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi phí khảo sát thực tế; lấy mẫu phân tích kiểm chứng; chi điều tra, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường; lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức có liên quan; chi phí cho Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng nội dung và bằng mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của liên Bộ: Tài chính – Tài nguyên và Môi trường và các văn bản thay thế khác.

- Chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia ngoài tỉnh mời tham gia Hội đồng thẩm định theo chế độ công tác phí hiện hành.

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác thẩm định, thu phí.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu.

- Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc thẩm định, thu phí.

- Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc thẩm định, thu phí: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và công đoàn phí), trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách Nhà nước theo chế độ quy định.

b) Sau khi trang trải các khoản chi phí phục vụ công việc thẩm định, thu phí nêu trên, phần kinh phí còn lại bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ của đơn vị. Trường hợp tiết kiệm được kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn thu phí để lại, kinh phí ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu hợp pháp khác theo quy định - nếu có), đơn vị sử dụng để tăng thu nhập, chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn đột xuất, chi thêm khi thực hiện tinh giản biên chế cho người lao động, chi lập Quỹ dự phòng ổn định thu

nhập theo quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính.

3. Lập dự toán và quyết toán phí: Hàng năm, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch, tổ chức thu phí lập dự toán thu, chỉ gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành; hàng năm phải quyết toán thu chi theo thực tế.

Chương III CHỨNG TỪ THU PHÍ

Điều 7. Chứng từ thu phí: Biên lai, chứng từ thu phí do cơ quan thuế thống nhất phát hành. Cơ quan đơn vị thu phí phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

Điều 8. Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp bằng đồng Việt Nam. Trường hợp nộp bằng ngoại tệ thì đối tượng nộp phí phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan thuế

1. Hướng dẫn, đôn đốc tổ chức thu thực hiện việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán phí theo đúng pháp luật về phí, lệ phí và các quy định cụ thể tại Quy định này.

2. Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, thu, nộp và quyết toán phí; xử lý vi phạm hành chính về thực hiện chế độ đăng ký, kê khai, nộp phí, chế độ mở sổ kế toán, quản lý sử dụng và lưu giữ chứng từ thu phí.

3. Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức in ấn, phát hành, quản lý chứng từ thu phí theo quy định về quản lý ấn chỉ của Bộ Tài chính; bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ chứng từ phục vụ cho công tác thu của các đơn vị thu phí.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức thu phí

1. Thực hiện việc công khai và trả lời chất vấn về chế độ thu phí. Hình thức công khai:

- Niêm yết ở những vị trí thuận lợi để đối tượng nộp phí dễ nhận biết.
Nội dung niêm yết: Đối tượng thuộc diện nộp; mức thu, chứng từ thu; thủ tục thu, nộp.

- Thông báo công khai văn bản quy định thu phí.

2. Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí thực hiện đăng ký, kê khai và nộp phí theo quy định. Thực hiện việc thu phí theo đúng đối tượng và mức thu quy định tại Quy định này.

Lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

3. Mở tài khoản tạm giữ tiền phí tại Kho bạc Nhà nước nơi thu để theo dõi, quản lý tiền phí. Định kỳ theo quy định tại Quy định này, tổ chức thu phí phải gửi toàn bộ số tiền đã thu trong ngày vào tài khoản tạm giữ và theo dõi, hạch toán khoản thu theo chế độ kế toán hiện hành.

4. Thực hiện việc trích, nộp các khoản và quản lý, sử dụng số tiền trích để lại theo Quy định này.

5. Thực hiện chế độ kế toán và quyết toán số thu theo quy định hiện hành của Nhà nước:

a) Mở sổ kế toán theo dõi đầy đủ số thu, số trích, nộp.

b) Quản lý, sử dụng biên lai thu và các chứng từ kế toán có liên quan theo đúng quy định về chế độ quản lý ấn chỉ, chứng từ.

c) Thực hiện quyết toán phí theo năm dương lịch. Thời hạn nộp quyết toán cho cơ quan thuế chậm nhất không quá 90 ngày kể từ ngày 31/12 của năm quyết toán phí. Quyết toán phí phải phản ánh đầy đủ toàn bộ số tiền đã thu; số tiền được trích để lại; số tiền phải nộp, đã nộp, số tiền còn phải nộp hoặc nộp thừa tính đến thời điểm quyết toán.

d) Tổ chức thu phí chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu quyết toán, nếu đơn vị cố tình báo cáo sai để trốn nộp, gian lận tiền của ngân sách Nhà nước, thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp đầy đủ tài liệu, sổ sách, hóa đơn, chứng từ kế toán liên quan đến việc quản lý phí theo yêu cầu của cơ quan thuế và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Chương V **XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 11. Cá nhân, tổ chức không nộp hoặc nộp không đủ tiền phí thì không được thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 12. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm về phí theo Quyết định này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 13. Tổ chức thu phí vi phạm quy định về chế độ thu, mức thu, chứng từ thu, quản lý sử dụng tiền phí, về công khai chế độ thu phí, về chế độ kế toán và quyết toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định pháp luật về phí, lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Chương VI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 14. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về những hành vi vi phạm pháp luật về phí. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, tố cáo thì người khiếu nại, tố cáo vẫn phải thực hiện việc đóng phí theo quy định.

Điều 15. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tổ chức thu phí phải giải quyết và trả lời cho người khiếu nại bằng văn bản. Nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì phải chuyển đơn khiếu nại hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

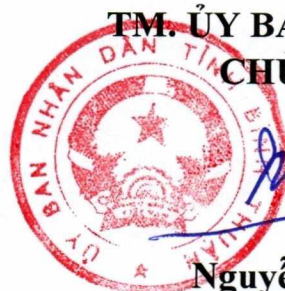
Điều 16. Trường hợp quá thời hạn quy định nêu trên mà không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại, thì người khiếu nại có quyền tiếp tục khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ hoặc khởi kiện tại Tòa án.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai và các nội dung khác chưa được quy định cụ thể tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định khác của Trung ương.

Điều 18. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn. Hoặc nếu có phát sinh các vướng mắc, cũng như thay đổi các quy định có liên quan về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính thống nhất phương án tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh. Trong thời gian chưa có quy định sửa đổi, bổ sung của Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải thực hiện theo quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hai